

QUY ĐỊNH THỰC HIỆN ỦY BAN (EU) 2022/2240

của ngày 20 tháng 10 năm 2022

sửa đổi Quy định thực hiện (EU) 2021/1378, Quy định thực hiện (EU) 2021/2119 và Quy định thực hiện (EU) 2021/2307 liên quan đến việc sử dụng con dấu điện tử đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận

(Văn bản có liên quan đến EEA)

ỦY BAN CHÂU ÂU,

Liên quan đến Hiệp ước về chức năng của Liên minh châu Âu,

Liên quan đến Quy định (EU) 2018/848 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng ngày 30 tháng 5 năm 2018 về sản xuất hữu cơ và ghi nhãn các sản phẩm hữu cơ và bãi bỏ Quy định của Hội đồng (EC) số 834/2007 ⁽¹⁾, và đặc biệt là các Điều 35 (10), 43 (7) và 45 (4) của chúng,

Trong khi đó:

- (1) Theo Điều 35 (1), điểm (a) của Quy định (EU) 2018/848, giấy chứng nhận do các cơ quan có thẩm quyền cung cấp hoặc, khi thích hợp, các cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát, cho các nhà khai thác hoặc nhóm nhà khai thác sẽ được cấp dưới dạng điện tử bất cứ khi nào có thể. Hệ thống chuyên gia và kiểm soát thương mại điện tử (TRACES) được đề cập trong Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2019/1715 ⁽²⁾ cung cấp phương tiện để cấp các chứng chỉ được đề cập trong Điều 35 của Quy định (EU) 2018/848 dưới dạng điện tử. Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2021/2119 ⁽³⁾ yêu cầu chứng chỉ được đề cập trong Điều 35 của Quy định (EU) 2018/848 phải được cấp dưới dạng điện tử, bằng cách sử dụng TRACES, từ ngày 1 tháng 1 năm 2023.
- (2) Để đảm bảo các chứng chỉ được giao cho các nhà khai thác và nhóm các nhà khai thác, việc sử dụng con dấu điện tử đủ điều kiện theo định nghĩa tại Điều 3 (27) của Quy định (EU) số 910/2014 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng ⁽⁴⁾ để cấp các chứng chỉ đó là phù hợp. Để cho phép tất cả các chủ thể liên quan hoàn thành việc đăng ký con dấu điện tử đủ điều kiện, cần quy định rằng chứng chỉ được đề cập trong Điều 35 của Quy định (EU) 2018/848 phải có con dấu điện tử đủ điều kiện từ ngày 1 tháng 7 năm 2023 trở đi.
- (3) Do đó, Quy định thực hiện (EU) 2021/2119 cần được sửa đổi cho phù hợp.
- (4) Theo Điều 1, đoạn đầu tiên và đoạn thứ hai, điểm (a) của Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2021/1378 ⁽⁵⁾ các cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát được công nhận theo Điều 46 (1) của Quy định (EU) 2018/848 phải cung cấp cho các nhà khai thác, nhóm nhà khai thác và nhà xuất khẩu ở các nước thứ ba đã chịu sự kiểm soát được đề cập trong Điều 45 (1), điểm (b)(i) của Quy chế đó có giấy chứng nhận, được cấp dưới dạng điện tử và sử dụng TRACES từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 trở đi.
- (5) Để đảm bảo các chứng chỉ được giao cho các nhà khai thác, nhóm nhà khai thác và nhà xuất khẩu đó, việc sử dụng con dấu điện tử đủ điều kiện để cấp các chứng chỉ đó là phù hợp. Để cho phép tất cả các chủ thể liên quan hoàn tất việc đăng ký con dấu điện tử đủ điều kiện, cần

quy định rằng giấy chứng nhận cho các nhà khai thác, nhóm nhà khai thác và xuất khẩu ở các nước thứ ba phải có con dấu điện tử đủ điều kiện từ ngày 1 tháng 7 năm 2023 trở đi.

(6) Do đó, Quy định thực hiện (EU) 2021/1378 cần được sửa đổi cho phù hợp.

(7) Liên quan đến giấy chứng nhận kiểm định và trích lục giấy chứng nhận kiểm định, được xác nhận trên giấy có chữ ký tay theo Quy định ủy quyền của Ủy ban (EU) 2021/2306 ⁽⁶⁾, Quy định ủy quyền của Ủy ban (EU) 2022/2238 ⁽⁷⁾ đã gia hạn các điều khoản chuyển tiếp cho đến ngày 30 tháng 11 năm 2022 để cho phép tất cả các bên liên quan hoàn tất việc đăng ký cho điện tử đủ điều kiện triển. Việc gia hạn này cần được phản ánh trong các lưu ý về việc hoàn thành mô hình trích lục giấy chứng nhận kiểm định được quy định trong Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2021/2307 ⁽⁸⁾. Quy định được ủy quyền (EU) 2022/2238 cũng được gia hạn đến ngày 30 tháng 11 năm 2022, khả năng người được ủy quyền ở Ukraine của cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát không được trang bị con dấu điện tử đủ điều kiện, xuất trình và nộp trong TRACES giấy chứng nhận kiểm định ở định dạng điện tử mà không cần áp dụng con dấu điện tử đủ điều kiện trong ô 18 của chúng.

(8) Do đó, Quy định thực hiện (EU) 2021/2307 cần được sửa đổi cho phù hợp.

(9) Do hết thời hạn chuyển tiếp đối với giấy chứng nhận và sự miễn trừ đối với Ukraine vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, sửa đổi này sẽ được áp dụng hồi tố kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2022.

(10) Các biện pháp quy định trong Quy chế này phù hợp với ý kiến của Ủy ban sản xuất hữu cơ,

ĐÃ THÔNG QUA QUY ĐỊNH NÀY:

Điều 1

Sửa đổi Quy định Thực thi (EU) 2021/2119

Quy định thi hành (EU) 2021/2119 được sửa đổi như sau:

(1) tại Điều 1, bổ sung đoạn sau:

Giấy chứng nhận được đề cập trong Điều 35 (1) của Quy định (EU) 2018/848 phải có con dấu điện tử đủ điều kiện theo định nghĩa tại Điều 3, điểm (27), của Quy định (EU) số 910/2014 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ^(^{*1}).

^(^{*1}) Quy định (EU) số 910/2014 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng ngày 23 tháng 7 năm 2014 về dịch vụ nhận dạng và ủy thác điện tử cho các giao dịch điện tử trên thị trường nội bộ và bãi bỏ Chỉ thị 1999/93 / EC ([OJ L 257, 28.8.2014, trang 73](#)).";

(2) tại Điều 5, đoạn sau được chèn vào sau đoạn thứ ba:

'Điều 1, đoạn thứ hai, sẽ áp dụng từ ngày 1 tháng 7 năm 2023.'

Điều 2

Sửa đổi Quy định Thực thi (EU) 2021/1378

Quy định thi hành (EU) 2021/1378 được sửa đổi như sau:

(1) tại Điều 1, bổ sung khoản thứ hai, điểm (a), điểm (iii) như sau:

'(iii) nó phải có con dấu điện tử đủ điều kiện theo quy định tại Điều 3, điểm (27), của Quy định (EU) số 910/2014 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ^(^{*2});

(²) Quy định (EU) số 910/2014 của Nghị viện châu Âu và của Hội đồng ngày 23 tháng 7 năm 2014 về dịch vụ nhận dạng và ủy thác điện tử cho các giao dịch điện tử trên thị trường nội bộ và bãi bỏ Chỉ thị 1999/93 / EC ([OJ L 257, 28.8.2014, trang 73](#)).";

(2) tại Điều 3, đoạn sau được chèn vào sau đoạn thứ ba:

'Điều 1, khoản thứ hai, điểm (a)(iii), được áp dụng từ ngày 1 tháng 7 năm 2023.';

(3) Phụ lục I được thay thế bằng văn bản trong Phụ lục của Quy chế này.

Điều 3

Sửa đổi Quy định thực hiện (EU) 2021/2307

Trong Phần II của Phụ lục Quy định Thực thi (EU) 2021/2307, trong đoạn thứ tư của các ghi chú liên quan đến ô 12 và trong đoạn thứ hai của các ghi chú liên quan đến ô 13, ngày '30 tháng 6 năm 2022' được thay thế bằng '30 tháng 11 năm 2022'.

Điều 4

Hiệu lực và áp dụng

Quy định này sẽ có hiệu lực vào ngày thứ ba sau khi được công bố trên *Tạp chí Chính thức của Liên minh Châu Âu*.

Điều 3 được áp dụng từ ngày 1/7/2022.

Quy định này sẽ ràng buộc toàn bộ và áp dụng trực tiếp ở tất cả các Quốc gia Thành viên.

Thực hiện tại Brussels, ngày 20 tháng 10 năm 2022.

Đối với Ủy ban

Tổng thống

Ursula VON DER LEYEN

(¹) [OJ L 150, 14.6.2018, tr. 1](#).

(²) Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2019/1715 ngày 30 tháng 9 năm 2019 đặt ra các quy tắc cho hoạt động của hệ thống quản lý thông tin đối với các kiểm soát chính thức và các thành phần hệ thống của nó ('Quy định IMSOC') ([OJ L 261, 14.10.2019, trang 37](#)).

(³) Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2021/2119 ngày 1 tháng 12 năm 2021 đưa ra các quy tắc chi tiết về một số hồ sơ và tờ khai nhất định được yêu cầu từ các nhà khai thác và nhóm nhà khai thác và về các phương tiện kỹ thuật để cấp chứng chỉ theo Quy định (EU) 2018/848 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng và Ủy ban sửa đổi Quy định thực hiện (EU) 2021/1378 liên quan đến việc cấp chứng chỉ cho các nhà khai thác, nhóm các nhà khai thác và xuất khẩu ở các nước thứ ba ([OJ L 430, 2.12.2021, trang 24](#)).

(⁴) Quy định (EU) số 910/2014 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng ngày 23 tháng 7 năm 2014 về dịch vụ nhận dạng và ủy thác điện tử cho các giao dịch điện tử trên thị trường nội bộ và bãi bỏ Chỉ thị 1999/93 / EC ([OJ L 257, 28.8.2014, trang 73](#)).

(⁵) Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2021/1378 ngày 19 tháng 8 năm 2021 đưa ra các quy tắc nhất định liên quan đến giấy chứng nhận được cấp cho các nhà khai thác, nhóm nhà khai thác và xuất khẩu ở các nước thứ ba liên quan đến việc nhập khẩu các sản phẩm hữu cơ và chuyển đổi vào Liên minh và thiết lập danh sách các cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát được công nhận theo Quy định (EU) 2018/848 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ([OJ L 297, 20.8.2021, tr. 24](#)).

(⁶) Quy định được ủy quyền của Ủy ban (EU) 2021/2306 ngày 21 tháng 10 năm 2021 bổ sung Quy định (EU) 2018/848 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu với các quy tắc về kiểm soát chính thức đối với các lô hàng sản phẩm hữu cơ và các sản phẩm chuyển đổi dự định nhập khẩu vào Liên minh và trên giấy chứng nhận kiểm tra ([OJ L 461, 27.12.2021, trang 13](#)).

(⁷) Quy định ủy quyền của Ủy ban (EU) 2022/2238 ngày 22 tháng 8 năm 2022 sửa đổi Quy định được ủy quyền (EU) 2021/2306 liên quan đến các điều khoản chuyển tiếp đối với giấy chứng nhận kiểm định và trích lục và liên quan đến các điều khoản chuyển tiếp đối với giấy chứng nhận kiểm định được cấp tại Ukraine (xem trang 3 của Tạp chí chính thức này).

(⁸) Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2021/2307 ngày 21 tháng 10 năm 2021 đặt ra các quy tắc về tài liệu và thông báo cần thiết cho các sản phẩm hữu cơ và chuyển đổi dự định nhập khẩu vào Liên minh ([OJ L 461, 27.12.2021, trang 30](#)).

ANNEX

'PHỤ LỤC I

MÔ HÌNH CỦA CHỨNG CHỈ

GIẤY CHỨNG NHẬN CHO CÁC NHÀ KHAI THÁC, NHÓM NHÀ KHAI THÁC VÀ XUẤT KHẨU Ở CÁC NƯỚC THỨ BA CHO CÁC SẢN PHẨM ĐƯỢC NHẬP KHẨU VÀO LIÊN MINH CHÂU ÂU DƯỚI DẠNG SẢN PHẨM HỮU CƠ HOẶC SẢN PHẨM CHUYỂN ĐỔI

Phần I: Các yếu tố bắt buộc

1. Số tài liệu	2.(chọn cho phù hợp) ☐ Toán tử ☐ Nhóm các nhà khai thác – xem điểm 10 ☐ Xuất khẩu
3.Tên và địa chỉ của nhà điều hành, nhóm nhà khai thác hoặc nhà xuất khẩu:	4.Tên, địa chỉ và số mã của cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát của nhà khai thác, nhóm nhà khai thác hoặc nhà xuất khẩu:
5.Hoạt động hoặc hoạt động của nhà điều hành, nhóm nhà khai thác hoặc nhà xuất khẩu (chọn khi thích hợp): ☐ Sản xuất	

☐	Chuẩn bị
☐	Phân phối
☐	Lưu trữ
☐	Nhập khẩu
☐	Xuất khẩu
6. Danh mục hoặc danh mục sản phẩm theo quy định tại Điều 35 (7) của Quy định (EU) 2018/848 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ⁽¹⁾ và phương pháp sản xuất (chọn phù hợp):	
(a) thực vật chưa qua chế biến và các sản phẩm thực vật, bao gồm hạt giống và vật liệu sinh sản thực vật khác	
Phương pháp sản xuất: ☐ sản xuất hữu cơ không bao gồm trong thời gian chuyển đổi ☐ sản xuất trong thời gian chuyển đổi ☐ sản xuất hữu cơ với sản xuất phi hữu cơ	
(b) chăn nuôi và các sản phẩm chăn nuôi chưa qua chế biến	
Phương pháp sản xuất: ☐ sản xuất hữu cơ không bao gồm trong thời gian chuyển đổi ☐ sản xuất trong thời gian chuyển đổi ☐ sản xuất hữu cơ với sản xuất phi hữu cơ	
(c) tảo và các sản phẩm nuôi trồng thủy sản chưa qua chế biến	
Phương pháp sản xuất: ☐ sản xuất hữu cơ không bao gồm trong thời gian chuyển đổi ☐ sản xuất trong thời gian chuyển đổi ☐ sản xuất hữu cơ với sản xuất phi hữu cơ	
(d) nông sản chế biến, bao gồm cả sản phẩm nuôi trồng thủy sản, để sử dụng làm thực phẩm	
Phương pháp sản xuất: ☐ Sản xuất sản phẩm hữu cơ ☐ Sản xuất sản phẩm chuyển đổi ☐ sản xuất hữu cơ với sản xuất phi hữu cơ	
(e) cho ăn	
Phương pháp sản xuất: ☐ Sản xuất sản phẩm hữu cơ	

☐ Sản xuất sản phẩm chuyển đổi ☐ sản xuất hữu cơ với sản xuất phi hữu cơ	
(f) rượu vang Phương pháp sản xuất: ☐ Sản xuất sản phẩm hữu cơ ☐ Sản xuất sản phẩm chuyển đổi ☐ sản xuất hữu cơ với sản xuất phi hữu cơ	
(g) các sản phẩm khác được liệt kê trong Phụ lục I của Quy định (EU) 2018/848 hoặc không thuộc các danh mục trước Phương pháp sản xuất: ☐ Sản xuất sản phẩm hữu cơ ☐ Sản xuất sản phẩm chuyển đổi ☐ sản xuất hữu cơ với sản xuất phi hữu cơ	
7. Danh mục sản phẩm:	
Tên của sản phẩm và / hoặc mã Danh pháp kết hợp (CN) như được đề cập trong Quy định của Hội đồng (EEC) số 2658/87 ⁽²⁾ đối với các sản phẩm thuộc phạm vi Quy định (EU) 2018/848	☐ Hữu cơ ☐ Đang chuyển đổi
Tài liệu này đã được ban hành theo Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2021/1378 ⁽³⁾ để xác nhận rằng nhà điều hành, nhóm nhà khai thác hoặc nhà xuất khẩu (chọn khi thích hợp) tuân thủ Quy định (EU) 2018/848	
8. Ngày, địa điểm Tên và chữ ký thay mặt cơ quan kiểm soát ban hành hoặc cơ quan kiểm soát, hoặc con dấu điện tử đủ điều kiện:	9. Giấy chứng nhận có giá trị từ... [chèn ngày] vào... [chèn ngày]

10. Danh sách các thành viên của nhóm các nhà khai thác theo định nghĩa tại Điều 36 của Quy định (EU) 2018/848

Tên thành viên	Địa chỉ hoặc hình thức nhận dạng thành viên khác

--	--

Phần II: Các yếu tố tùy chọn cụ thể

Một hoặc nhiều yếu tố sẽ được hoàn thành nếu được quyết định bởi cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát cấp giấy chứng nhận cho nhà khai thác, nhóm nhà khai thác hoặc nhà xuất khẩu theo Quy định thực hiện (EU) 2021/1378

1. Số lượng sản phẩm

Tên sản phẩm và/hoặc mã CN như được đề cập trong Quy định (EEC) số 2658/87 đối với các sản phẩm thuộc phạm vi Quy định (EU) 2018/848	☐ Hữu cơ ☐ Đang chuyển đổi	Số lượng ước tính bằng kilôgam, lít hoặc, nếu có liên quan, theo số lượng đơn vị

2. Thông tin về đất đai

Tên sản phẩm	☐ Hữu cơ ☐ Đang chuyển đổi ☐ Không hữu cơ	Bề mặt tính bằng ha

3. Danh sách các cơ sở hoặc đơn vị nơi hoạt động được thực hiện bởi người điều hành hoặc nhóm người vận hành

Địa chỉ hoặc vị trí địa lý	Mô tả hoạt động hoặc hoạt động được đề cập tại điểm 5 của phần I

4. Thông tin về hoạt động hoặc hoạt động được thực hiện bởi người vận hành hoặc nhóm người vận hành và liệu hoạt động đó có được thực hiện cho mục đích riêng của họ hay với tư cách là nhà thầu phụ thực hiện hoạt động hoặc hoạt động cho người vận hành khác, trong khi nhà thầu phụ vẫn chịu trách nhiệm về hoạt động hoặc hoạt động được thực hiện

Mô tả hoạt động hoặc hoạt động được đề cập tại điểm 5 của phần I	☐ Thực hiện các hoạt động / hoạt động cho mục đích riêng

	☐ Thực hiện hoạt động / hoạt động với tư cách là nhà thầu phụ cho một nhà khai thác khác, trong khi nhà thầu phụ vẫn chịu trách nhiệm về hoạt động hoặc hoạt động được thực hiện

5. Thông tin về hoạt động hoặc hoạt động được thực hiện bởi bên thứ ba ký hợp đồng phụ

Mô tả hoạt động hoặc hoạt động được đề cập tại điểm 5 của phần I	☐ Nhà điều hành hoặc nhóm nhà khai thác vẫn chịu trách nhiệm ☐ Bên thứ ba ký hợp đồng phụ chịu trách nhiệm

6. Danh sách các nhà thầu phụ thực hiện một hoạt động hoặc hoạt động cho nhà điều hành hoặc nhóm người vận hành mà nhà điều hành hoặc nhóm người vận hành vẫn chịu trách nhiệm về sản xuất hữu cơ và chưa chuyển giao trách nhiệm đó cho nhà thầu phụ

Tên và địa chỉ	Mô tả hoạt động hoặc hoạt động được đề cập tại điểm 5 của phần I

7. Thông tin về việc công nhận cơ quan kiểm soát theo điểm (d) Điều 46 (2) của Quy định (EU) 2018/848

- (a) tên cơ quan kiểm định;
- (b) siêu liên kết đến giấy chứng nhận công nhận.

8. Các thông tin khác

⁽¹⁾ Quy định (EU) 2018/848 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng ngày 30 tháng 5 năm 2018 về sản xuất hữu cơ và ghi nhãn các sản phẩm hữu cơ và bãi bỏ Quy định của Hội đồng (EC) số 834/2007 ([OJ L 150, 14.6.2018, trang 1](#)).

⁽²⁾ Quy định của Hội đồng (EEC) số 2658/87 ngày 23 tháng 7 năm 1987 về thuế quan và danh pháp thống kê và về Biểu thuế hải quan chung ([OJ L 256, 7.9.1987, trang 1](#)).

(³) Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2021/1378 ngày 19 tháng 8 năm 2021 đặt ra các quy tắc nhất định liên quan đến giấy chứng nhận được cấp cho các nhà khai thác, nhóm nhà khai thác và xuất khẩu ở các nước thứ ba liên quan đến việc nhập khẩu các sản phẩm hữu cơ vào Liên minh và thiết lập danh sách các cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát được công nhận theo Quy định (EU) 2018/848 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ([OJ L 297, 20.8.2021, tr. 24](#)).